

**QUYẾT ĐỊNH**

**Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính  
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Tây Ninh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Tây Ninh tại Tờ trình số 2440/TTr-SCT ngày 27 tháng 9 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Tây Ninh. (Có phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành tỉnh và đơn vị có liên quan thực hiện các công việc sau:

1. Gửi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính không thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh cho các Bộ, ngành Trung ương xem xét, quyết định sau khi được UBND tỉnh thông qua.

2. Trình Chủ tịch UBND tỉnh kịp thời công bố, công khai thủ tục hành chính sau khi được các cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để thực thi phương án đơn giản hóa các thủ tục nêu trên.

**Điều 3.** Giao Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc Sở Công Thương, các sở, ngành và đơn vị có liên quan thực hiện Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận* 

- Như Điều 5;
- Cục kiểm soát TTHC-VPCP;
- Bộ Công Thương;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- LĐVP; KSTT;
- Lưu: VT, VP.UBND tỉnh. (Tấn)

4

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Võ Đức Trọng**



## Phụ lục

### PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1984 /QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)

#### I. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước:

Thủ tục “Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu” (Mã số: 2.000673.000.00.00.H53)

##### 1. Nội dung đơn giản hóa

Điều chỉnh mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (Mẫu số 9 quy định tại phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ) cho phù hợp với khoản 4, Điều 20 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về Kinh doanh xăng dầu và khoản 15, Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 về Kinh doanh xăng dầu.

##### Lý do:

- Theo khoản 4, Điều 20 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP quy định hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu gồm có: “*Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh xăng dầu theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định này, kèm theo các tài liệu chứng minh*”; không quy định bản kê phương tiện vận tải.

- Khoản 2, Điều 19 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 15 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP như sau: “2. Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.”

- Qua rà soát, thành phần hồ sơ kèm theo Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu tại Mẫu số 9 chưa phù hợp với quy định tại khoản 4, Điều 20 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP và khoản 15, Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP, cụ thể Mẫu số 9 quy định thành phần hồ sơ kèm theo gồm:

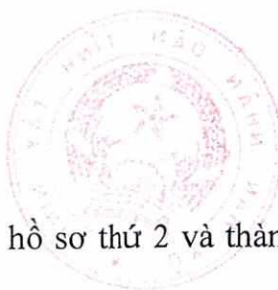
“2. *Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện vận tải, kèm theo các tài liệu chứng minh.*

3. *Danh sách cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc doanh nghiệp, kèm theo tài liệu chứng minh.*”

##### 2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, trình Chính phủ ban hành quy định sửa đổi Mẫu số 9 quy định tại phụ lục kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ, cụ thể trong thành phần hồ sơ kèm theo:

- Bỏ cụm từ “*phương tiện vận tải*”;



- Điều chỉnh gộp chung thành phần hồ sơ thứ 2 và thành phần hồ sơ thứ 3 như sau:

*“Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP (Danh sách cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên được cấp Giấy chứng nhận của hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu), kèm theo các tài liệu chứng minh.”*

### **3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Khi thực hiện nội dung đơn giản hóa này sẽ đảm bảo phù hợp, nhất quán giữa các quy định có liên quan; đồng thời, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thuận lợi hơn trong tìm hiểu, giảm thời gian, chi phí chuẩn bị hồ sơ thực hiện TTHC.

- Tính lợi ích chi phí tuân thủ TTHC:

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: **7.744.400** đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: **5.298.800** đồng/năm

+ Chi phí tiết kiệm: 2.445.600 đồng/năm

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: **32%**.

*[Handwritten signature in red ink]*